

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:.....

Mã đề 0314

* Cho biết nguyên tử khối: H=1; C=12; N=14; O=16; Na=23; S=32; Cl=35,5; Pb=207.

* Các ký hiệu và chữ viết tắt: s: rắn; l: lỏng; g: khí; aq: dung dịch nước.

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

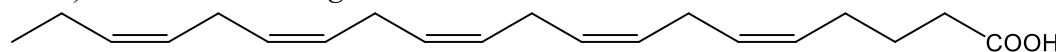
Câu 1. Trong quá trình điện phân NaCl nóng chảy với các điện cực trơ, ở anode xảy ra quá trình

- A. khử ion Na^+ . B. oxi hóa ion Na^+ . C. khử ion Cl^- . D. oxi hóa ion Cl^- .

Câu 2. Fructose có nhiều trong mật ong và các quả ngọt như dứa, xoài,... Công thức phân tử của fructose là

- A. $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$. B. $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$. C. $\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11}$. D. $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$.

Câu 3. Một acid béo được gọi là *omega-n* (khi đó *n* là vị trí của liên kết đôi C=C đầu tiên tính từ nhóm $-\text{CH}_3$). Cho acid béo *omega-n* sau:



Giá trị của *n* là

- A. 9. B. 3. C. 5. D. 6.

Câu 4. Ammonia thể hiện vai trò là chất khử ở phản ứng nào sau đây?

- A. $2\text{NH}_3 + \text{H}_2\text{SO}_4 \longrightarrow (\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$. B. $\text{NH}_3 + \text{H}_2\text{O} \rightleftharpoons \text{NH}_4^+ + \text{OH}^-$.
C. $4\text{NH}_3 + 3\text{O}_2 \xrightarrow{\text{t}^0} 2\text{N}_2 + 6\text{H}_2\text{O}$. D. $\text{NH}_3 + \text{HCl} \longrightarrow \text{NH}_4\text{Cl}$.

Câu 5. Ở điều kiện chuẩn, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Phản ứng thu nhiệt có $\Delta_r H_{298}^0 < 0$. B. Phản ứng thu nhiệt có $\Delta_r H_{298}^0 > 0$.
C. Phản ứng tỏa nhiệt có $\Delta_r H_{298}^0 > 0$. D. Phản ứng tỏa nhiệt có $\Delta_r H_{298}^0 = 0$.

Câu 6. Ở điều kiện thường, chất nào sau đây tồn tại ở trạng thái khí?

- A. Methylamine. B. Isoamyl acetate. C. Alanine. D. Aniline.

Câu 7. Cho các cặp oxi hóa – khử của các kim loại và thế điện cực chuẩn tương ứng:

Cặp oxi hóa–khử	Mg^{2+}/Mg	Zn^{2+}/Zn	Cu^{2+}/Cu	Ag^+/Ag
Thế điện cực chuẩn (V)	-2,356V	-0,762V	+0,34V	+0,799V

Trong số các ion kim loại gồm Mg^{2+} , Cu^{2+} , Zn^{2+} , Ag^+ , ở điều kiện chuẩn ion kim loại có tính oxi hóa yếu nhất là

- A. Mg^{2+} . B. Cu^{2+} . C. Zn^{2+} . D. Ag^+ .

Câu 8. Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

- A. Trong y học glucose được dùng để pha dịch truyền cho cơ thể.
B. Saccharose có nhiều trong cây mía, củ cải đường, hoa thốt nốt.
C. Cellulose trinitrate là nguyên liệu để sản xuất tơ nhân tạo.
D. Fructose đóng vai trò cung cấp năng lượng cho tế bào.

Câu 9. Nước mía ép là dung dịch với chất tan chủ yếu là đường (còn gọi là đường kính, saccharose).

Cần sử dụng phương pháp tách biệt và tinh chế nào để thu được đường kính từ nước mía?

- A. Phương pháp chưng cất. B. Phương pháp kết tinh.
C. Phương pháp chiết. D. Sắc ký cột.

Câu 10. Tên gọi của ester $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ là

- A. ethyl acetate. B. methyl propionate.
C. ethyl propionate. D. methyl acetate.

Câu 11. Chất nào sau đây là amine?

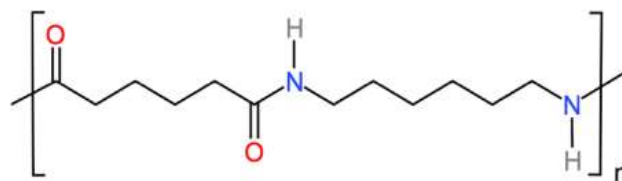
A. $\text{CH}_3\text{COONH}_4$.

C. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$.

B. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{NH}_2$.

D. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOCH}_3$.

Câu 12. Polymer X có tính dai, bền, mềm mại, óng mượt, ít thấm nước, giặt mau khô. Polymer X dùng để dệt vải may mặc, vải lót sầm lốp xe, dệt bít tất, bện làm dây cáp, dây dù, đan lưới,... Cấu tạo một đoạn mạch polymer X như hình bên:



Tên gọi của polymer X là

A. tơ nylon-6,6.

C. tơ nylon-6.

B. poly(methyl methacrylate).

D. poly(vinyl chloride).

Câu 13. Xà phòng và chất giặt rửa tổng hợp có cấu tạo gồm hai phần: Phần phân cực (“đầu” ưa nước) và phần không phân cực (“đuôi” kỵ nước).



Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

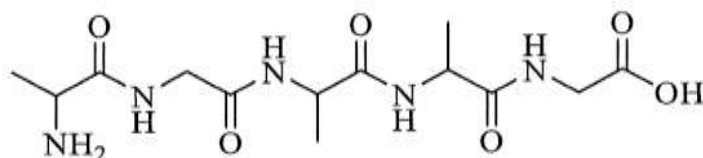
A. Phân tử chất giặt rửa tổng hợp có đuôi kỵ nước là gốc hydrocarbon.

B. Phân tử xà phòng ở trên có công thức là $\text{CH}_3[\text{CH}_2]_{16}\text{COONa}$.

C. Phân tử chất giặt rửa tổng hợp có đầu ưa nước là nhóm $\text{SO}_3^- \text{Na}^+$.

D. Phân tử xà phòng có khả năng xâm nhập vào vết bẩn dầu mỡ nhờ gốc ưa nước ($-\text{COO}^-$).

Câu 14. Trong phân tử peptide cho dưới đây có bao nhiêu liên kết peptide?



A. 4.

B. 2.

C. 1.

D. 3.

Câu 15. Nhóm chức trong phân tử acetic aldehyde là

A. $-\text{COOH}$.

B. $-\text{OH}$.

C. $-\text{CHO}$.

D. $-\text{CO}-$.

Câu 16. Cho các chất X, Y, Z, T là một trong số các chất (không theo thứ tự): ethyl acetate; acetic acid; propan-1-ol; methyl formate. Nhiệt độ sôi của chúng được ghi trong bảng sau:

Chất	X	Y	Z	T
Nhiệt độ sôi ($^{\circ}\text{C}$)	31,5	77,1	118,2	97,2

Phát biểu nào sau đây **không** đúng?

A. Z có trong thành phần của giấm ăn với nồng độ 2% đến 5%.

B. T tan trong nước do tạo được liên kết hydrogen với nước.

C. X không tác dụng được với NaOH trong dung dịch khi đun nóng.

D. Sử dụng phương pháp chiết để tách Y ra khỏi hỗn hợp Y và nước.

Câu 17. Thủy phân 388,8 kg gạo (chứa 80% tinh bột, còn lại là tạp chất trơ) với hiệu suất của phản ứng là 75%, khối lượng glucose thu được là (Làm tròn kết quả đến hàng phần mười)

A. 432,0 kg.

B. 324,0 kg.

C. 345,6 kg.

D. 259,2 kg.

Câu 18. Mạ điện là quá trình phủ một lớp kim loại lên bề mặt kim loại khác bằng phương pháp điện phân. Người ta cần mạ silver lên một ấm trà bằng thép, khi đó ấm trà được gắn với cực âm của nguồn

điện, còn kim loại silver được gắn với cực dương và cùng nhúng trong dung dịch ...(1)... Nội dung phù hợp trong ô trống (1) là

A. CuSO_4 .

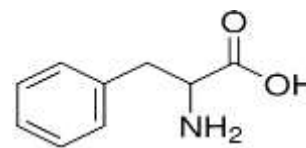
B. Ag.

C. AgNO_3 .

D. $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Phenylalanine (Phe) là một loại amino acid thiết yếu, tham gia vào cấu tạo của protein và được sử dụng làm thuốc hỗ trợ điều trị bệnh trầm cảm, bệnh bạch biến trong y học. Công thức cấu tạo của Phe như hình bên:



Cho độ tan của Phe (gam/100 gam nước) ở các nhiệt độ khác nhau:

Nhiệt độ, °C	0	25	50	75	100
Độ tan	1,00	1,41	2,19	3,71	6,89

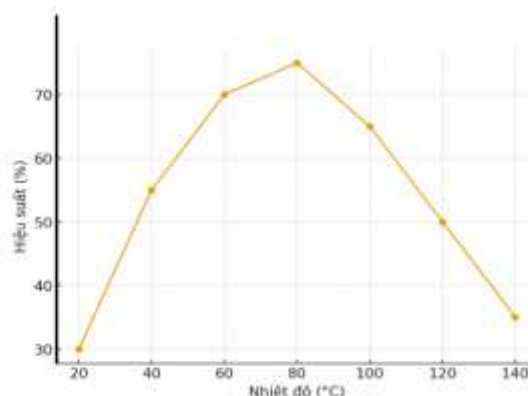
a) Phân tử khối của Phe là 165.

b) Ở 25 °C, dung dịch Phe bão hoà có nồng độ là 1,41%. (Làm tròn kết quả đến hàng phần trăm)

c) Khi làm nguội 320,67 gam dung dịch Phe bão hoà ở 100°C xuống 25°C thì tách ra 16,44 gam Phe. Biết khi làm lạnh chỉ có Phe bị kết tinh (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

d) Phe thuộc loại α -amino acid và có tính chất lưỡng tính.

Câu 2. Để khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ đến quá trình tổng hợp ethyl acetate, một loạt thí nghiệm được tiến hành với hỗn hợp phản ứng gồm acetic acid và ethanol theo tỷ lệ mol 1 : 1 và H_2SO_4 đặc được sử dụng làm chất xúc tác với nồng độ cố định. Quá trình phản ứng được thực hiện dưới điều kiện đun hồi lưu liên tục trong thời gian 6 giờ ở các nhiệt độ khác nhau. Sau khi kết thúc phản ứng, hỗn hợp được làm nguội và xử lý nhằm tách sản phẩm, sau đó tiến hành phân tích để đánh giá hiệu suất tạo thành ethyl acetate ở từng điều kiện nhiệt độ. Kết quả thí nghiệm được biểu diễn ở đồ thị hình bên.



Ảnh hưởng của nhiệt độ đến hiệu suất tổng hợp ethyl acetate

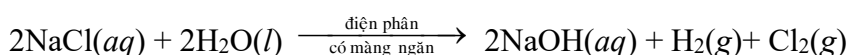
a) Từ kết quả thí nghiệm có thể kết luận "khi nhiệt độ càng cao thì hiệu suất phản ứng tổng hợp ethyl acetate càng lớn".

b) Phản ứng tổng hợp ethyl acetate ở 60°C có hiệu suất thấp hơn ở 120°C.

c) Phản ứng tổng hợp ethyl acetate trong thí nghiệm này được gọi là phản ứng ester hoá.

d) Ethyl acetate được tách khỏi hỗn hợp sau phản ứng bằng phương pháp kết tinh.

Câu 3. Một nhà máy sản xuất sodium hydroxide (NaOH) và chlorine (Cl_2) bằng phương pháp điện phân dung dịch sodium chloride (NaCl) có màng ngăn với điện cực trơ theo phương trình hóa học sau:



Dung dịch sau điện phân có thành phần gồm NaOH và NaCl dư. Để thu được NaOH người ta cô đặc dung dịch sau điện phân, khi đó NaCl ít tan hơn so với NaOH nên kết tinh trước và được tách ra khỏi dung dịch. Sau đó, tiếp tục cô đặc dung dịch NaOH và làm lạnh để tách được NaOH rắn.

a) Sodium hydroxide rắn thu được từ dung dịch sau điện phân bằng phương pháp chiết.

b) Trong quá trình điện phân, dung dịch ở khu vực cathode có $\text{pH} > 7$.

c) Tại anode, khí chlorine thu được từ sự khử ion chloride.

d) Màng ngăn giúp ngăn phản ứng giữa sodium hydroxide và chlorine trong quá trình điện phân.

Câu 4. Cellulose là thành phần chính của thành tế bào thực vật, làm nên bộ khung của cây cối. Cellulose có nhiều trong bông, đay, tre, nứa, gỗ,... Từ cellulose người ta điều chế được cellulose acetate (có thành phần chủ yếu là cellulose triacetate và cellulose diacetate) theo các phương trình sau:



a) Khi phân tích thành phần nguyên tố của một mẫu cellulose acetate người ta thu được phần trăm khối lượng carbon là 49,785%. Vậy thành phần phần trăm khối lượng oxygen trong cellulose acetate trên là 34,64%. Giả sử trong cellulose acetate chỉ có cellulose triacetate và cellulose diacetate. (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm)

b) Phân tử khối của cellulose là 162.

c) Trong mỗi phân tử cellulose có 3 nhóm hydroxy (-OH) nên cellulose có khả năng phản ứng với $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm ở nhiệt độ thường tạo dung dịch màu xanh lam.

d) Bản chất của các phản ứng (1), (2) là nguyên tử H trong nhóm -OH của cellulose được thay bằng nhóm $-COCH_3$.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Để làm đậu phụ từ đậu tương, ban đầu người ta xay đậu tương với nước sạch và đun sôi. Sau đó, thêm nước chua vào dung dịch nước đậu tương đã được nấu chín, khi đó "óc đậu" sẽ bị kết tủa. Sau khi trải qua quá trình lọc, ép, chế biến, sẽ thu được thành phẩm đậu phụ. Nước chua có thể làm từ nước đậu phụ lên men hoặc giấm ăn. Để thu hồi đậu phụ nhanh và mịn, thay vì dùng nước chua để làm óc đậu, người ta có thể sử dụng thạch cao với hàm lượng an toàn là không quá 1 gam/kg đậu phụ.

Cho các phát biểu sau:

- (1) Bản chất sự tạo thành "óc đậu" từ dung dịch nước đậu tương là sự đông tụ protein.
- (2) Thành phần chính của thạch cao là calcium carbonate.
- (3) Nước chua có tính acid làm protein trong dung dịch nước đậu tương bị đông tụ.
- (4) Nếu hàm lượng thạch cao vượt ngưỡng 1 gam/kg đậu phụ thì ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe người dùng.

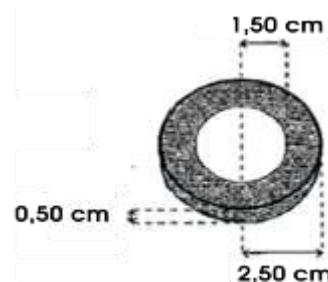
Các nhận định đúng gồm những nhận định nào? (Liệt kê theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, ví dụ 123; 14;...).

Câu 2. Tiến hành sản xuất 1,8 triệu chai rượu vang 13,8° dung tích 750 mL bằng phương pháp lên men rượu với nguyên liệu là m tấn quả nho tươi (chứa 15% glucose về khối lượng). Biết khối lượng riêng của ethyl alcohol là 0,8 g/mL. Giả thiết trong thành phần quả nho tươi chỉ có glucose bị lên men rượu; hiệu suất toàn bộ quá trình sản xuất là 60%; độ rượu là % thể tích ethanol trong rượu (hỗn hợp ethanol và nước). Tính m. (Không làm tròn kết quả các phép tính trung gian, chỉ làm tròn kết quả cuối cùng đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho các dụng cụ (đánh số tương ứng) được dùng trong quá trình thí nghiệm điều chế ethyl acetate và thu sản phẩm: Bình cầu có nhánh (1); ống sinh hàn (2); bình tam giác (3); phễu chiết (4); bếp điện (5). Xác định dãy bốn số ứng với các dụng cụ thí nghiệm theo lần lượt thứ tự chức năng sau: ngưng tụ hơi chất lỏng; tách hai chất lỏng không trộn lẫn; thực hiện phản ứng ester hoá; cung cấp nhiệt cho phản ứng.

Câu 4. Đun nóng một loại mỡ động vật với dung dịch NaOH, sản phẩm thu được có chứa muối sodium palmitate. Phân tử khối của sodium palmitate là bao nhiêu?

Câu 5. Một đồ vật được làm bằng kim loại Fe dạng hình trụ rỗng có bán kính trong là 1,50 cm, bán kính ngoài là 2,50 cm và chiều cao là 0,50 cm (hình bên). Người ta mạ kim loại Ni cho đồ vật trên bằng cách sử dụng kim loại Ni và đồ vật này làm hai điện cực rồi nhúng vào trong dung dịch $NiSO_4$ 1,0M để tiến hành điện phân. Để đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật thì lớp kim loại Ni phải có độ dày là 0,05 mm và phủ đều trên các bề mặt của đồ vật.



Biết khối lượng riêng của kim loại Ni là $8,90 \text{ g/cm}^3$; công thức tính thể tích của hình trụ tròn là $V = \pi \cdot r^2 \cdot h$ (r là bán kính đáy và h là chiều cao của hình trụ, $\pi = 3,1416$); Cho biết công thức định luật Faraday $m = \frac{A \cdot I \cdot t}{n \cdot F}$. m là khối lượng đơn chất giải phóng ở điện cực (gam); A là khối lượng mol nguyên tử của chất thu được ở điện cực $A_{\text{Ni}} = 58,7$; n là số electron mà nguyên tử hoặc ion đã cho hoặc nhận; I là cường độ dòng điện (A); t là thời gian điện phân (s); F là hằng số Faraday $F = 96500 \text{ C.mol}^{-1}$). Tính thời gian (theo phút) của quá trình mạ điện nếu sử dụng dòng điện có cường độ không đổi là $1,20 \text{ A}$. (Không làm tròn kết quả các phép tính trung gian, chỉ làm tròn kết quả cuối cùng đến hàng đơn vị).

Câu 6. Acquy chì là một nguồn điện thứ cấp quen thuộc, đóng vai trò khởi động động cơ và cung cấp năng lượng cho các thiết bị điện trên xe máy, ô tô. Về cấu tạo, acquy chì gồm một điện cực là kim loại Pb và điện cực còn lại là Pb có phủ PbO_2 nhúng trong dung dịch H_2SO_4 nồng độ khoảng 40%, khối lượng riêng (tỉ trọng) của dung dịch sulfuric acid bên trong acquy phụ thuộc vào nồng độ của nó. Khi acquy phóng điện, quá trình xảy ra tại các điện cực như sau:

Tại cực (-): $\text{Pb}(s) + \text{HSO}_4^-(aq) \rightarrow \text{PbSO}_4(s) + \text{H}^+(aq) + 2e$

Tại cực (+): $\text{PbO}_2(s) + \text{HSO}_4^-(aq) + 3\text{H}^+(aq) + 2e \rightarrow \text{PbSO}_4(s) + 2\text{H}_2\text{O}(l)$

Khi sạc điện cho acquy, phản ứng điện hóa xảy ra theo chiều ngược lại với phản ứng khi acquy phóng điện. (Biết điện lượng được tính theo công thức: $q = I \cdot t = n_e \cdot F$; $F = 96500 \text{ C.mol}^{-1}$, không làm tròn kết quả các phép tính trung gian, chỉ làm tròn kết quả cuối cùng đến hàng phần trăm).

Cho các phát biểu sau:

- (1) Quá trình sạc điện cho acquy bản chất là quá trình chuyển điện năng thành hóa năng dự trữ.
 - (2) Khi acquy phóng điện, ở anode xảy ra quá trình oxi hóa Pb.
 - (3) Để một acquy có dung lượng phóng điện tối đa là 60 Ah (ampe-giờ) thì khối lượng PbO_2 tối thiểu cần có ở điện cực dương là $534,96 \text{ gam}$.
 - (4) Phản ứng hóa học xảy ra khi sạc điện cho acquy là:
 $\text{Pb}(s) + \text{PbO}_2(s) + 2\text{HSO}_4^-(aq) + 2\text{H}^+(aq) \rightarrow 2\text{PbSO}_4(s) + 2\text{H}_2\text{O}(l)$
 - (5) Để kiểm tra sơ bộ tình trạng sạc điện của acquy, người ta đo tỉ trọng của dung dịch bên trong acquy, khi tỉ trọng tăng so với lúc đầu chứng tỏ acquy đang được sạc điện.
- Các phát biểu đúng gồm những phát biểu nào? (Liệt kê theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, ví dụ 123; 234;...).

----- HẾT -----

Thí sinh **không** được sử dụng tài liệu.
 Cán bộ coi thi **không** giải thích gì thêm.